

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2010/TT-BGDĐT

*Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2010*

**THÔNG TƯ**

**Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình công nhận  
phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội khóa XII về chủ trương, định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010 - 2015;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non,  
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2011.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Nghĩa**

**QUY ĐỊNH**  
**ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, QUY TRÌNH CÔNG NHẬN PHỔ CẬP**  
**GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM NĂM TUỔI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2010/TT-BGDĐT  
ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền, quy trình công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi (sau đây viết tắt là PCGDMNTNT).

2. Quy định này áp dụng đối với các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là đơn vị cơ sở); các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là đơn vị cấp huyện); các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là đơn vị cấp tỉnh) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Chương trình PCGDMNTNT**

PCGDMNTNT thực hiện theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

**Điều 3. Mục đích, yêu cầu**

1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi nhằm củng cố, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em năm tuổi, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

2. Kiểm tra, công nhận PCGDMNTNT đảm bảo đúng thực chất, khách quan, nghiêm túc.

**Điều 4. Đầu tư cho phổ cập**

Nhà nước ưu tiên ngân sách để thực hiện PCGDMNTNT, đồng thời huy động các nguồn kinh phí khác từ cộng đồng, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư cho PCGDMNTNT.

**Chương II**

**ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON**  
**CHO TRẺ EM NĂM TUỔI**

**Điều 5. Điều kiện PCGDMNTNT**

1. Có đủ phòng học theo hướng kiên cố, đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

2. Trường, lớp có bộ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; ở vùng thuận lợi có thêm các bộ đồ chơi, phần mềm trò chơi ứng dụng công nghệ thông tin, làm quen với máy vi tính để học tập.

3. Có đủ số lượng giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo; giáo viên được hưởng thu nhập và các chế độ khác theo thang bảng lương giáo viên mầm non.

4. Trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các chế độ, chính sách khác theo quy định hiện hành; được chăm sóc giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non, trẻ em dân tộc thiểu số được chuẩn bị tiếng Việt trước khi vào lớp 1.

## **Điều 6. Tiêu chuẩn PCGDMNTNT**

### **1. Đối với cá nhân**

Trẻ em được công nhận đạt chuẩn PCGDMNTNT phải hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non (mẫu giáo 5 - 6 tuổi) do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trước 6 tuổi.

### **2. Đối với đơn vị cơ sở**

#### **a) Đối với thành phố, thị xã, thị trấn**

- Bảo đảm có đủ phòng học kiên cố, bảo đảm diện tích xây dựng và các quy định khác về phòng học tại Điều lệ trường mầm non; đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu; giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ;

- Huy động 98% trở lên số trẻ em năm tuổi ra lớp, trong đó bảo đảm 90% số trẻ em trong độ tuổi được học 2 buổi/ngày trong một năm học (9 tháng) theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Bảo đảm có 90% trở lên trẻ năm tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non (mẫu giáo 5 - 6 tuổi);

- Tỷ lệ chuyên cần của trẻ: đạt từ 95% trở lên;

- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi) và thấp còi (chiều cao theo tuổi) dưới 10%.

#### **b) Đối với nông thôn, đồng bằng**

- Bảo đảm có đủ phòng học kiên cố hoặc bán kiên cố, bảo đảm diện tích xây dựng và các quy định khác về phòng học tại Điều lệ trường mầm non; đủ đồ dùng,

đồ chơi, thiết bị tối thiểu; giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ;

- Huy động 95% trở lên số trẻ em năm tuổi ra lớp, trong đó có ít nhất 85% số trẻ em trong độ tuổi được học 2 buổi/ngày trong một năm học (9 tháng) theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Bảo đảm có 85% trở lên trẻ năm tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non (mẫu giáo 5 - 6 tuổi);

- Tỷ lệ chuyên cần của trẻ: đạt từ 90% trở lên;

- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi) và thấp còi (chiều cao theo tuổi) không quá 10%.

c) Đối với vùng nông thôn đặc biệt khó khăn, vùng núi cao, hải đảo

- Có đủ phòng học bảo đảm diện tích xây dựng quy định tại Điều lệ trường mầm non; đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu; giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ;

- Huy động 90% trở lên số trẻ em năm tuổi ra lớp, trong đó có ít nhất 80% số trẻ em trong độ tuổi được học 2 buổi/ngày trong một năm học (9 tháng) theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Bảo đảm có 80% trở lên trẻ năm tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non (mẫu giáo 5 - 6 tuổi), số trẻ em còn lại được học tăng cường tiếng Việt;

- Tỷ lệ chuyên cần của trẻ: đạt từ 85% trở lên;

- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi) và thấp còi (chiều cao theo tuổi) không quá 15%.

3. Đối với đơn vị cấp huyện

Bảo đảm 90% số đơn vị cơ sở đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

4. Đối với đơn vị cấp tỉnh

Bảo đảm 100% số đơn vị cấp huyện thuộc tỉnh đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

### **Chương III**

## **THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH CÔNG NHẬN PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM NĂM TUỔI**

### **Điều 7. Thẩm quyền công nhận**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra và ra quyết định công nhận hoặc công nhận lại (sau đây gọi chung là công nhận) đối với đơn vị cơ sở.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra và ra quyết định công nhận đối với đơn vị cấp huyện.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra và ra quyết định công nhận đối với đơn vị cấp tỉnh.

### **Điều 8. Thời điểm kiểm tra, công nhận**

1. Đơn vị cơ sở tổ chức tự kiểm tra, đề xuất công nhận vào tháng 4, đơn vị cấp huyện, đơn vị cấp tỉnh tổ chức tự kiểm tra, công nhận hoặc công nhận lại vào tháng 5;

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra, công nhận hoặc công nhận lại theo đề nghị của các đơn vị cấp tỉnh vào tháng 6.

### **Điều 9. Nội dung kiểm tra**

1. Kiểm tra việc thực hiện PCGDMNTNT thông qua báo cáo của Ban chỉ đạo phổ cập;

2. Kiểm tra hồ sơ phổ cập;

3. Kiểm tra thực tế cơ sở vật chất; dự giờ, khảo sát chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Trường hợp cần thiết có thể kiểm tra tới hộ gia đình.

### **Điều 10. Hồ sơ kiểm tra, công nhận**

1. Đối với đơn vị cơ sở gồm:

a) Báo cáo tình hình thực hiện và kết quả PCGDMNTNT;

b) Các biểu thống kê tổng hợp trẻ em trong diện PCGDMNTNT, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non đối với trẻ em năm tuổi;

c) Biên bản tự kiểm tra;

d) Danh sách trẻ em năm tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non;

đ) Sổ theo dõi PCGDMNTNT.

2. Đối với đơn vị cấp huyện, đơn vị cấp tỉnh gồm:

a) Báo cáo tình hình thực hiện và kết quả PCGDMNTNT;

b) Biểu thống kê tổng hợp trẻ em trong diện PCGDMNTNT, đội ngũ giáo viên mầm non và cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non đối với trẻ em năm tuổi của đơn vị cấp huyện, đơn vị cấp tỉnh;

c) Biên bản kiểm tra các đơn vị trực thuộc;

d) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh công nhận đơn vị trực thuộc;

đ) Các văn bản chỉ đạo của địa phương về PCGDMNTNT.

### **Điều 11. Quy trình công nhận phổ cập**

#### **1. Đối với đơn vị cơ sở**

a) Đơn vị cơ sở tự kiểm tra đánh giá kết quả PCGDMNTNT, lập biên bản tự kiểm tra;

b) Sau khi tự đánh giá theo tiêu chuẩn quy định đối với cấp cơ sở, nếu đạt tiêu chuẩn, Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, công nhận đạt chuẩn PCGDMNTNT.

#### **2. Đối với đơn vị cấp huyện**

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, xem xét hồ sơ của đơn vị cơ sở, thành lập đoàn kiểm tra, tổ chức kiểm tra tại đơn vị cơ sở, lập biên bản kiểm tra, ra quyết định công nhận các đơn vị cơ sở đạt chuẩn;

b) Sau khi tự đánh giá theo tiêu chuẩn quy định đối với cấp huyện, nếu đạt tiêu chuẩn, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, công nhận.

#### **3. Đối với đơn vị cấp tỉnh**

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, xem xét hồ sơ của đơn vị cấp huyện; thành lập đoàn kiểm tra, tổ chức kiểm tra tại đơn vị cấp huyện và đơn vị cơ sở (nếu cần); lập biên bản kiểm tra, ra quyết định công nhận các đơn vị cấp huyện đạt chuẩn;

b) Lập hồ sơ, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, công nhận cấp tỉnh.

#### **4. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, xem xét hồ sơ đề nghị công nhận PCGDMNTNT của đơn vị cấp tỉnh;

b) Thành lập đoàn kiểm tra, tổ chức kiểm tra tại đơn vị cấp tỉnh, lập biên bản kiểm tra;

c) Ra quyết định công nhận đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn.

5. Đối với các đơn vị đề nghị kiểm tra công nhận lại: đơn vị cấp huyện, đơn vị cấp tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét hồ sơ, kiểm tra xác suất đơn vị trực thuộc, ra quyết định công nhận lại các đơn vị đạt chuẩn.

6. Đối với đơn vị đã được công nhận đạt chuẩn, nếu 2 năm liền không duy trì được kết quả phổ cập thì bị xóa tên trong danh sách đã đạt chuẩn. Việc công nhận lại phải được thực hiện như với đơn vị được kiểm tra công nhận lần đầu.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm**

1. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch PCGDMNTNT; chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra các ban, ngành, đoàn thể tham gia công tác PCGDMNTNT; tổ chức tự kiểm tra đánh giá để có biện pháp củng cố, duy trì kết quả PCGDMNTNT, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, công nhận; báo cáo kết quả PCGDMNTNT cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch PCGDMNTNT; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện tham gia thực hiện công tác PCGDMNTNT; tổ chức kiểm tra, công nhận đơn vị cơ sở; đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, công nhận; báo cáo kết quả PCGDMNTNT cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch PCGDMNTNT; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh tham gia thực hiện công tác PCGDMNTNT; tổ chức kiểm tra, công nhận đơn vị cấp huyện; đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, công nhận; báo cáo kết quả PCGDMNTNT cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Nghĩa**